TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH** *Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST* *Ngày 29/01/2021 về việc "Ly hôn".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu H.
Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức P; bà Cao Thị C.
Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 19/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng nơi ĐKHKTT và hiện đang cư trú tại: Khu H, phường V, thành phố B, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2020, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 01/4/2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của cả đôi bên gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị về sinh sống cùng gia đình anh T ở khu H, phường V, thành phố B, tỉnh B. Qúa trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị nhận thấy giữa chị và anh T không có sự tôn trọng, không có niềm tin ở nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị nghi ngờ anh T có quan hệ thân thiết với người phụ nữ khác, hiện nay vẫn chưa chấm dứt

mối quan hệ này và minh chứng cho điều chị nghi ngờ là chị sao từ máy điện thoại của anh T các tin nhắn thời gian gần nhất lời lẽ thân mật giữa anh T và người phụ nữ tên và địa chỉ cụ thể chị biết nhưng chị không tiện nêu ra. Năm năm nay quan hệ tình cảm vợ chồng chị dạn nứt, không ai quan tâm ai, chị cố gắng chịu đựng vì các con, nhưng tình cảm vợ chồng chị không cải thiện. Chị và anh T tuy sống chung nhà nhưng mỗi người ở một tầng riêng, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Hoàng Anh V, sinh ngày 20/12/2007. Hiện cháu N đang học Đại học năm thứ nhất trường ĐH Tài chính H, đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Ly hôn chị xin được nuôi cháu V, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

Về công nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh xác nhận chị H trình bày về thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau là đúng. Theo anh nguyên nhân chính mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là bất đồng quan điểm, ít quan tâm trò chuyện, cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị không có hạnh phúc. Anh thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, đỉnh điểm mâu thuẫn là tháng 7/2020, anh chị đi làm khi về nhà không ai chuyện trò gì, mỗi người ở một tầng. Tòa án có cho thời gian để anh tìm biện pháp cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả, anh và chị H tuy sống cùng nhà nhưng mỗi người ở một tầng, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 7/2020. Chị H xin ly hôn anh muốn có thêm thời gian suy nghĩ, trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn anh cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Hoàng Anh V, sinh ngày 20/12/2007. Cháu N đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Chị H xin được nuôi cháu V, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết anh hoàn toàn đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không đề nghị giải quyết.

Về công nợ: Không có.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Hoàng Anh V, sinh ngày 20/12/2007. Hiện cháu N đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Chị xin được nuôi cháu V, vấn đề cấp dưỡng nuôi con

không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Về công nợ: Không có.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng những qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành đúng qui định, vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51,56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, xử cho chị H được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Hoàng Anh V, sinh ngày 20/12/2007. Hiện cháu Nguyệt đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Giao con chung Nguyễn Hoàng Anh V cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Về công nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thi H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú và sinh sống tại khu H, phường V, thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 phiên tòa được mở vào ngày 19/01/2021, do anh Th vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử tiếp theo là ngày 29/01/2021. Tòa án đã tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt, là lần vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tos tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 01/4/2002 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B. Như vậy chị H và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Qúa trình chung sống, vợ chồng chị H và anh T nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, đôi bên ít quan tâm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Từ tháng 7/2020 vợ chồng chị H, anh T tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, sống ly thân từ đó cho đến nay. Cả hai đều không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của anh T thừa nhận giữa anh và chị H bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Từ tháng 7/2020 tình cảm vợ chồng dạn nứt, không quan tâm nhau. Tòa án cho thời gian để hòa giải, tạo cơ hội cho anh, chị suy nghĩ quay về với nhau nhưng anh T không có biện pháp hàn gắn, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy anh T muốn có thời gian suy nghĩ, thừa nhận anh chị có mâu thuẫn tình cảm, chị H kiên quyết xin ly hôn anh đồng ý. Tòa án tại điều kiện cho thời gian tiến hành các phiên hòa giải nhưng chỉ chị H có mặt, còn anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm với chị H. Việc anh T không có mặt tại Tòa án là tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hằng, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Xét mâu thuẫn giữa chị và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh Thuyên không có biện pháp gì để hàn gắn cải thiện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị của chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Hoàng Anh V, sinh ngày 20/12/2007. Hiện cháu N đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Chị H xin được nuôi cháu V, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết. Anh T đồng ý để chị Hằng chăm sóc nuôi dưỡng cháu V và không có tranh chấp gì. Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của chị H, tôn trọng ý kiến của anh T và để đảm bảo quyền lợi của con chung, xét nguyện vọng của cháu V xin được ở với mẹ do đó để tránh sự thay đổi cho con chung sau ly hôn nên cần chấp nhận đề nghị của chị H và giao cháu V cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về công nợ: Không có.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 146, 147, 204, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Hoàng Anh V, sinh ngày 20/12/2007. Hiện cháu N đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh V cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2019/0000639, ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án xử vắng mặt hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND, CCTHADS thành phố B
- UBND phường V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hồng